

THẮNG LỢI CỦA CÁCH MẠNG THÁNG TÁM

SỰ KIỂM NGHIỆM GIÁ TRỊ LÝ LUẬN CÁCH MẠNG

GIẢI PHÓNG DÂN TỘC CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

GS, TS TRINH NHƯ*

1. Từ xác định hai nhiệm vụ: chống đế quốc, chống phong kiến đến thực hiện một nhiệm vụ giải phóng dân tộc

Trong thập niên hai mươi thế kỷ XX, Nguyễn Ái Quốc và các tổ chức tiền thân của Đảng đã phân tích, đánh giá bản chất chế độ thuộc địa với những chính sách, thủ đoạn cướp đoạt, áp bức của thực dân Pháp trên các lĩnh vực công nghiệp, nông nghiệp, tài chính, ngân hàng khiến kinh tế Việt Nam bị phụ thuộc và trở thành một bộ phận quan trọng của đế quốc Pháp. Hậu quả là sự tăng trưởng kinh tế Việt Nam càng trở thành điều kiện thuận lợi cho các công ty, các ngân hàng của tư bản Pháp thu lợi nhuận, hoạt động kinh doanh của người Việt bị chèn ép, rất khó phát triển; đời sống của các tầng lớp nhân dân lao động càng thêm suy kiệt. Về chính trị, Chính phủ Pháp thiết lập chính quyền thuộc địa, bao gồm bộ máy hành chính, quân đội, cảnh sát, nhà tù, toà án và hệ thống luật pháp để đàn áp, khủng bố mọi hình thức đấu tranh chống chế độ thực dân, bóp nghẹt mọi quyền tự do, dân chủ, thi hành chính sách ngu dân, đầu độc người bản xứ bằng rượu cồn, thuốc phiện, gây tác hại nghiêm trọng cho sự phát triển con người và văn hoá Việt Nam.

Các quan điểm đó là bước chuẩn bị cần thiết cho sự nhất trí của Hội nghị thành lập ĐCS Việt Nam với các văn kiện do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc soạn thảo, trong đó nêu bật những nét chính yếu nhất của chế độ

kinh tế, chính trị nước Việt Nam thuộc địa và trở lực của nó đối với sự phát triển độc lập của kinh tế công nghiệp, nông nghiệp, kéo theo nạn thất nghiệp và nhiều tai họa khác đè nặng lên người dân bản xứ. Theo đó, để giành độc lập dân tộc, tự do cho đồng bào tất yếu phải: "Đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp và bọn phong kiến"¹ như *Chánh cương vắn tắt của Đảng* xác định. Thắng lợi của cuộc cách mạng đó sẽ "Làm cho nước Việt Nam được hoàn toàn độc lập. Dựng ra chính phủ công nông binh. Tổ chức ra quân đội công nông"². Nhiệm vụ chống phong kiến được tiến hành bằng cách "... dựa vào hàng dân cày nghèo làm thổ địa c.m đánh trực bọn đại địa chủ và phong kiến"³; còn đối với trung, tiểu địa chủ không phải là phần cách mạng, thì phải thu hút họ vào trận tuyến chống đế quốc, giải phóng dân tộc (GPDT).

Hai nhiệm vụ chống đế quốc, chống phong kiến cũng được *Luận cương chính trị của Đảng Cộng sản Đông Dương*, tháng 10-1930, đặt ở vị trí cốt yếu của cách mạng tư sản dân quyền: "... thực hành thổ địa cách mạng cho triệt để, một mặt nữa là tranh đấu để đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp, làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập"⁴, lập chính phủ công nông.

Nếu như *Chánh cương vắn tắt của Đảng* và *Luận cương chính trị của Đảng Cộng sản Đông Dương* đều nhất trí coi đế quốc và phong kiến là hai đối tượng mà cách mạng tư sản dân quyền cần đánh đổ mới có thể giành được quyền độc lập dân tộc, thiết lập chính quyền của số đông dân chúng là công nông hoặc công

* Viện lịch sử Đảng, Học viện CTQG Hồ Chí Minh

nông binh, xây dựng quân đội bảo vệ chính quyền cách mạng, thực hiện những quyền dân chủ cơ bản của nhân dân... thì cũng bắt đầu lộ rõ những quan điểm khác biệt về vị trí của hai nhiệm vụ trên. Nội dung *Chánh cương vắn tắt của Đảng, Sách lược vắn tắt của Đảng* cho thấy rõ lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc và Hội nghị thành lập Đảng coi nhiệm vụ chống đế quốc là chính yếu nhất và huy động tối đa lực lượng toàn dân tộc để thực hiện. Quan điểm đó chi phối phương sách tiến hành cách mạng ruộng đất, xoá bỏ quan hệ bóc lột phong kiến, thực hiện khẩu hiệu “người cày có ruộng”, sát hợp với sự phân hoá giữa nông dân và địa chủ chưa tới mức gay gắt như nhiều nước khác. Từ năm 1924, Nguyễn Ái Quốc đã nhận định trong *Báo cáo về Bắc Kỳ, Trung Kỳ và Nam Kỳ*: ruộng đất ở đây không tập trung quá nhiều vào tay đại địa chủ, mà chủ yếu “thuộc sở hữu của những địa chủ hạng trung và hạng nhỏ và những kẻ mà ở đó được coi là đại địa chủ thì chỉ là những tên lùn lẹt bên cạnh những người trùn tên với họ ở châu Âu và châu Mỹ”⁵. Theo đó, sự cách biệt về tài sản và mức sống của nông dân và địa chủ cũng chỉ ở mức độ “... nếu nông dân gần như chẳng có gì thì địa chủ cũng không có vốn liếng gì lớn, nếu nông dân chỉ sống bằng cái tối thiểu cần thiết thì đời sống của địa chủ cũng chẳng có gì là xa hoa”, vì thế “Sự xung đột về quyền lợi của họ được giảm thiểu”⁶.

Với phương pháp phân tích, đánh giá khoa học sự phân hoá giữa đại địa chủ và trung, tiểu địa chủ không chỉ dựa trên quan hệ sản xuất mà còn ở thái độ của họ đối với sự nghiệp GPDT, Nguyễn Ái Quốc đã sớm phát hiện khả năng khơi dậy tinh thần yêu nước của giai tầng trung, tiểu địa chủ chưa lộ mặt phản cách mạng mà Đảng có thể thực hiện được và đưa họ vào đội ngũ đấu tranh chống ách thống trị của đế quốc Pháp. Tư duy chính trị đó đưa tới chủ trương đánh đổ đại địa chủ và phong kiến; lợi dụng trung, tiểu địa chủ hoặc làm cho họ trung lập như *Sách lược vắn tắt của Đảng* đã chỉ rõ; ngoài trung, tiểu địa chủ, sách lược trên cũng được thực hiện đối với phú nông và tư sản.

Lược cương hành trị của Đảng Cộng sản Đông Dương trình bày hai nhiệm vụ chống đế quốc và chống phong kiến ở tầm mức quan trọng ngang nhau và đặt yêu cầu “thực hành thổ địa cách mạng cho triệt để”

mới phát huy tác động tích cực mạnh mẽ tới nhiệm vụ chống đế quốc, “... có phá tan chế độ phong kiến thì mới đánh đổ được đế quốc chủ nghĩa”⁷. Luận điểm đó là cơ sở cho quyết định “đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp, phong kiến và địa chủ”⁸. Cùng một dòng tư duy ấy, BCH TƯ ĐCS Đông Dương tại Hội nghị tháng 10-1930 phê phán “sai lầm” của Nguyễn Ái Quốc về phân chia địa chủ thành ba hạng: đại địa chủ, trung, tiểu địa chủ và chủ trương chỉ tịch thu ruộng đất của đại địa chủ, lợi dụng trung, tiểu địa chủ, ít ra là trung lập họ. BCH TƯ luận giải: địa chủ dùng ruộng đất để thu địa tô, tức là áp bức, bóc lột nông dân, là thù địch của nông dân, cần phải đánh đổ cả giai cấp đó và thu hết ruộng đất, không phân biệt đại địa chủ, trung, tiểu địa chủ, không tính đến thái độ chính trị của trung, tiểu địa chủ.

Sách lược lợi dụng tư sản chưa rõ mặt phản cách mạng cũng bị coi là sai lầm, vì không thể thực hiện được do giai cấp tư sản không đi cùng một phe với cộng sản. Và chẳng, thái độ chính trị tốt nhất của giai cấp tư sản cũng chỉ là quốc gia cải lương. Nếu Đảng chỉ trung lập họ, thì có nghĩa là từ bỏ chủ trương giai cấp công nhân đấu tranh chống giai cấp tư sản.

Khái quát tính chất của các “sai lầm” trên, BCH TƯ cho rằng, sách lược đó “... chỉ lo đến việc phản đế, mà quên mất lợi ích giai cấp tranh đấu ấy là một sự rất nguy hiểm”⁹.

Cái gọi là “sai lầm” của Nguyễn Ái Quốc chính là những sáng tạo của Người khi đánh giá mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam và đế quốc Pháp thống trị là mâu thuẫn cơ bản và chủ yếu, cần tập hợp tối đa sức mạnh toàn dân tộc để giải quyết và nhận biết tinh thần yêu nước, ý chí chống ngoại xâm vẫn thấm đượm trong lòng mọi giới đồng bào mà Đảng có thể phát huy sức mạnh vô tận của nó trong khối đại đoàn kết toàn dân. Đó cũng là hai yếu tố quan trọng nhất tạo nên cơ sở chính trị vững chắc cho sự hình thành và phát triển của mặt trận dân tộc thống nhất (MTDTTN) chống đế quốc, GPDT. Quan điểm liên minh giai cấp, đoàn kết dân tộc vì mục tiêu giành độc lập dân tộc và tự do, hạnh phúc cho đồng bào được Nguyễn Ái Quốc đề xuất từ đầu thập niên 20 và kết tinh trong *Chánh cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt của Đảng* là dựa trên cơ sở coi “công nông là gốc của cách mạng”, đặt liên

minh công nông trong lực lượng đông đảo "bầu bạn" cách mạng là "học trò, nhà buôn nhỏ, điền chủ nhỏ" đã nêu trong tác phẩm *Đường cách mệnh*. Từ đó, Người mở rộng "bầu bạn" của công nông bao gồm cả tiểu tư sản, trí thức, trung nông, Thanh niên, Tân Việt... và phú nông, trung, tiểu địa chủ, tư sản không chống đối cách mạng.

Tám cao tư tưởng chiến lược, sách lược của Nguyễn Ái Quốc và Hội nghị thành lập Đảng khác với những ý kiến chỉ đạo của Quốc tế cộng sản (QTCS) tại *Nghị quyết về Đông Dương* ngày 28-11-1929. QTCS nêu rõ thái độ của ĐCS là không đoàn kết với phú nông, tư sản, trung, tiểu địa chủ, tức là không tán thành chủ trương thành lập MTDTTN phù hợp với đặc điểm của xã hội thuộc địa Việt Nam và những giá trị đặc trưng của văn hoá Việt Nam luôn đặt chủ nghĩa yêu nước và tinh thần cố kết cộng đồng dân tộc ở bậc thang giá trị cao nhất.

Những luận điểm và chủ trương sáng tạo của Nguyễn Ái Quốc đã không được Trung ương ĐCS Đông Dương chấp nhận. Một mặt, do điều kiện Đảng mới thành lập còn nhiều hạn chế về lý luận cách mạng GPDT và năng lực phân tích, đánh giá đúng đắn thực tiễn cách mạng Việt Nam; mặt khác, lúc bấy giờ, Đảng đang chú trọng thu phục công nông và tập trung đấu tranh chống chủ nghĩa quốc gia cải lương, thì không thể thấu hiểu và vận dụng thực hiện những luận điểm sáng tạo độc đáo của Nguyễn Ái Quốc. Quan điểm của QTCS trình bày tại Đại hội lần thứ VI (1928) về tầm quan trọng của vấn đề dân tộc - yếu tố tạo nên tính độc đáo của phong trào đấu tranh của các dân tộc thuộc địa, nhưng cũng chỉ dừng ở đó mà chưa nhận biết những nét đặc trưng của chủ nghĩa yêu nước Việt Nam và thái độ tích cực của các giai cấp, các tầng lớp xã hội không phải là công nông đối với sự nghiệp chống đế quốc, giành quyền độc lập dân tộc và xây dựng đất nước Việt Nam giàu mạnh để QTCS chỉ đạo ĐCS Đông Dương xác định đường lối cách mạng.

Song ngay từ năm 1930, 1931, đan xen những quyết định, những luận điểm phủ nhận quan điểm sáng tạo của Nguyễn Ái Quốc là những ý tưởng và những chủ trương của Trung ương Đảng tán thành và chỉ đạo thực hiện xây dựng MTDTTN chống đế quốc và thái độ xử lý đúng đắn vấn đề cán bộ, đảng viên

xuất thân từ các thành phần xã hội lớp trên: trí, phú, địa, hào. Đó vốn là một thực trạng phổ biến liên quan trực tiếp đến lý luận và thực tiễn xây dựng ĐCS vững mạnh ở một nước thuộc địa, nửa phong kiến đủ năng lực đoàn kết, tổ chức đông đảo quần chúng đấu tranh mới tạo được sức mạnh lật đổ chế độ thuộc địa. Từ vấn đề đó, rất dễ nảy sinh những sai lầm "tả" khuynh, hữu khuynh về mặt giáo dục tư tưởng và xây dựng tổ chức Đảng và MTDTTN chống đế quốc nếu Đảng không vận dụng sáng tạo những nguyên tắc xây dựng đảng vô sản kiểu mới do Lênin đề ra và luận điểm cách mạng là sự nghiệp của quần chúng nhân dân, một nội dung quan trọng của chủ nghĩa Mác - Lênin.

Dòng mạch lý luận chính trị, phương pháp chỉ đạo thực tiễn biểu lộ năng lực sáng tạo lý luận của Đảng ta được ghi nhận tại hai văn kiện quan trọng: *Chỉ thị của Thường vụ Trung ương về vấn đề thành lập Hội "Phản đế đồng minh"* và *Chỉ thị của Trung ương gửi Xứ uỷ Trung Kỳ về vấn đề thanh đảng Trung Kỳ*, tuy bị ngưng đọng một thời gian, song lại được khơi thông, rồi trở thành một dòng chảy thông thoáng do tác động của Nghị quyết Đại hội VII QTCS (1935): "Trong các xứ thuộc địa và bán thuộc địa, nhiệm vụ rất quan trọng của những người cộng sản là cần lập ra mặt trận nhân dân chống đế quốc. Muốn đạt tới mục đích ấy cần phải kéo quảng đại quần chúng vào cuộc vận động giải phóng, chống sự bóc lột của đế quốc ngày càng tăng thêm, chống việc đàn áp dã man, đòi đuổi đế quốc ra khỏi xứ, đòi quyền độc lập cho xứ, phải hăng hái tham gia những cuộc vận động phản đế của quần chúng do bọn quốc gia cải lương lãnh đạo, phải căn cứ theo một cái chương trình phản đế rộng rãi, rõ rệt mà thiết lập thống nhất hành động với các đoàn thể quốc gia cách mạng và quốc gia cải lương"¹⁰. Tác động thuận chiều tới sự tiến triển của dòng tư duy đó, tư tưởng Hồ Chí Minh giữ vai trò đặc biệt quan trọng, nhất là từ khi Người về nước trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Những thành tố cốt yếu của tư tưởng Hồ Chí Minh về vị trí và tầm quan trọng hàng đầu của nhiệm vụ chống đế quốc bên cạnh nhiệm vụ chống phong kiến, chia ruộng đất cho dân cày và phát huy sức mạnh dân tộc, bao hàm trong cương lĩnh đầu tiên của Đảng, được thực tiễn cách mạng xác nhận là đúng đắn và những tiến bộ

trong nhận thức lý luận cách mạng GPDT thuộc địa của đội ngũ cán bộ lãnh đạo Đảng đã mở ra hướng thống nhất nhận thức của Trung ương Đảng với lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc về mối quan hệ giữa hai nhiệm vụ chống đế quốc và chống phong kiến. Thư của Hội nghị đại biểu Trung ương Đảng và Ban chỉ huy ở ngoài họp ngày 26-7-1936 Gửi các tổ chức Đảng viết: "... ở một xứ thuộc địa như Đông Dương, trong hoàn cảnh hiện tại, nếu chỉ quan tâm đến sự phát triển của cuộc đấu tranh giai cấp có thể nảy sinh những khó khăn để mở rộng phong trào giải phóng dân tộc"¹¹. Từ nhận định trên đã xuất lộ một tin hiệu mới mẻ, đúng đắn về một vấn đề hết sức hệ trọng của cách mạng Việt Nam là phát hiện những bất hợp lý nếu đặt ngang bằng hai nhiệm vụ chống đế quốc, chống phong kiến và đề xuất cách điều chỉnh vị trí của chúng cho sát hợp với yêu cầu của thực tiễn cách mạng.

Tiếp đó là một luận điểm mới được nêu ra trong văn kiện *Chung quanh vấn đề chiến sách mới*, tháng 10-1936 viết: "Cuộc dân tộc giải phóng không nhất định phải kết chặt với cuộc cách mạng điển địa. Nghĩa là không thể nói rằng: muốn đánh đổ đế quốc cần phải phát triển cách mạng điển địa, muốn giải quyết vấn đề điển địa cần phải đánh đổ đế quốc. Lý thuyết ấy có chỗ không xác đáng... nếu phát triển cuộc tranh đấu chia đất mà ngăn trở cuộc tranh đấu phân đế thì phải lựa chọn vấn đề nào quan trọng hơn mà giải quyết trước. Nghĩa là chọn địch nhân chính, nguy hiểm nhất, để tập trung lực lượng của một dân tộc mà đánh cho được toàn thắng"¹².

Những ý tưởng trên trùng hợp, thống nhất với những luận điểm cách mạng của Nguyễn Ái Quốc về xác lập vị trí quan trọng hàng đầu của cách mạng GPDT và tìm giải pháp hữu hiệu nhất để xử lý mối quan hệ giữa nhiệm vụ chống đế quốc và chống phong kiến, phù hợp với đặc điểm cách mạng Việt Nam.

Nếu năm 1936, trong văn kiện *Chung quanh vấn đề chiến sách mới*, Trung ương Đảng biểu lộ những quan điểm mới, thì ba năm sau, khi chiến tranh thế giới thứ hai vừa bùng nổ, tháng 11-1939, Hội nghị BCH TƯ Đảng phân tích, đánh giá sự chuyển biến tình hình thế giới và khu vực châu Á, Thái Bình Dương và Đông Dương, chỉ ra mâu thuẫn gay gắt giữa đế quốc Pháp

và các dân tộc ở Đông Dương, khẳng định chuyển hướng chiến lược và đưa ra nhiều quyết sách rất quan trọng hướng tới thực hiện nhiệm vụ GPDT. Trung ương Đảng nêu rõ trách nhiệm quan trọng nhất của toàn Đảng lúc này là phải đứng trên lập trường cách mạng GPDT, đặt quyền lợi của dân tộc ở vị trí cao nhất, lấy GPDT khỏi gông cùm nô lệ làm mục đích cấp bách, lớn lao nhất mà mọi hoạt động của toàn Đảng, toàn dân kể cả cách mạng ruộng đất đều phục vụ mục đích đó. Vì thế lúc này cách mạng ruộng đất chỉ thực hiện trong giới hạn tịch thu ruộng đất của những địa chủ phản bội quyền lợi dân tộc, chia cho dân cày. Nói một cách khác là tạm gác khẩu hiệu "ruộng đất cho dân cày" để tập hợp rộng rãi nhất lực lượng toàn dân, lôi kéo những địa chủ có tinh thần yêu nước vào Mặt trận thống nhất dân tộc phân đế Đông Dương để "... đánh đổ đế quốc Pháp, vua chúa bốn xứ và tất cả bọn tay sai của đế quốc phản bội dân tộc"¹³.

Trung ương Đảng chủ trương lãnh đạo phong trào đấu tranh của quần chúng hướng vào thực hiện mục tiêu chung là phản đối chiến tranh đế quốc, chống đế quốc Pháp và bè lũ tay sai; tiến hành "... dự bị những điều kiện bước tới bạo động làm cách mạng giải phóng dân tộc"¹⁴.

Tại Hội nghị tháng 11-1939, Trung ương Đảng kịp thời quyết định một chiến lược rất quan trọng: con đường sống còn của các dân tộc Đông Dương không có con đường nào khác hơn là con đường đánh đổ đế quốc Pháp, chống tất cả ách ngoại xâm, vô luận da trắng hay da vàng để GPDT.

Tiến theo xu thế ấy, tháng 5-1941, Hội nghị BCH TƯ Đảng dưới sự chủ trì của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc biểu thị sự nhất trí với quyết định của Hội nghị BCH TƯ Đảng tháng 11-1939, là tạm gác chưa thực hiện cách mạng ruộng đất, chỉ mới tiến hành giảm tô, chia ruộng đất công cho nông dân; nhấn mạnh tầm quan trọng của vấn đề dân tộc và cách mạng GPDT. Sau khi quân Nhật kéo vào chiếm đóng Đông Dương, trông lên cổ nhân dân Đông Dương một ách áp bức, bóc lột mới đã đẩy mâu thuẫn giữa các giai cấp, tầng lớp xã hội và các dân tộc với hai kẻ thù Pháp - Nhật phát triển càng thêm gay gắt và quyết liệt. Để đưa nhân dân thoát khỏi thảm trạng ấy, Hội nghị quyết định: "... khẩu hiệu của Đảng ta là trước hết phải làm

sao giải phóng cho được các dân tộc Đông Dương ra khỏi ách của giặc Pháp - Nhật"¹⁵.

Nội dung các chủ trương quan trọng của BCH TƯ Đảng tại Hội nghị tháng 11-1939 và tháng 5-1941 thể hiện rõ ý tưởng chiến lược như Nghị quyết Hội nghị tháng 5-1941 xác định: "*Cần phải thay đổi chiến lược* (TG nhấn mạnh). Sự thay đổi về kinh tế, chính trị Đông Dương, sự thay đổi thái độ, lực lượng các giai cấp Đông Dương buộc Đảng ta phải thay đổi chính sách cách mạng ở Đông Dương cho phù hợp với nguyện vọng chung của toàn thể nhân dân Đông Dương, cho phù hợp với tình hình thay đổi, Đảng ta phải có một chính sách cách mạng thích hợp với tình trạng ấy, mới chỉ dẫn cuộc cách mạng đến thắng lợi chắc chắn được"¹⁶. Nghị quyết giải thích rõ ý niệm thay đổi chiến lược là hiện tại cách mạng Đông Dương không phải là cách mạng tư sản dân quyền thực hiện hai nhiệm vụ phản đế và cách mạng ruộng đất mà *chỉ là cuộc cách mạng GPDT, chỉ giải quyết một nhiệm vụ cấp bách "dân tộc giải phóng"*. Đây là một quyết định quan trọng nhất về chiến lược cách mạng khởi nguồn từ tư tưởng cách mạng GPDT của lãnh tụ Hồ Chí Minh, tác động trực tiếp và toàn diện quá trình chuẩn bị với tinh thần chủ động, tích cực của toàn Đảng cho công cuộc đấu tranh giành chính quyền.

Sự thay đổi chiến lược cách mạng thể hiện rõ tinh thần độc lập sáng tạo của ĐCS Việt Nam trên lĩnh vực lý luận cách mạng GPDT được thể hiện ở sự lý giải sáng tỏ ách thống trị tàn bạo của chủ nghĩa thực dân và trở lực của nó đối với sự phát triển của dân tộc Việt Nam, từ đó tạo nên mâu thuẫn cơ bản và chủ yếu giữa toàn thể dân tộc Việt Nam với đế quốc Pháp; tính cấp thiết phải đập tan chế độ thuộc địa, xây dựng nền cộng hoà dân chủ, coi đó là điều kiện tiên quyết để giải quyết một cách cơ bản, vững chắc lợi ích của quần chúng lao động mà vấn đề hàng đầu là ruộng đất cho nông dân nghèo.

Những luận điểm và chủ trương độc đáo của Đảng về cách mạng GPDT phản ánh độ trưởng thành tư duy biện chứng trong tiến trình xử lý đúng đắn các mâu thuẫn xã hội đang đặt ra cho một đảng tiến phong, đảm đương sứ mệnh GPDT, giải phóng đồng bào khỏi gông xiềng nô lệ, sống trong độc lập, tự do.

2. Huy động tối đa sức mạnh toàn dân tộc mà tự giải phóng dân tộc

Sự xuất hiện những giá trị mới về vai trò và vị trí hàng đầu của cách mạng GPDT càng gia tăng khi Đảng đặt nó trong mối liên hệ chặt chẽ với vấn đề dân tộc và MTDTTN. Nội hàm ba vấn đề ấy hầu như được vận động và phát triển trong quan hệ tác động qua lại tích cực, thuận chiều, cùng đi tới xác lập các chủ trương, đường lối và phương pháp cách mạng của Đảng về cách mạng dân tộc dân chủ mà mục tiêu cụ thể trước mắt là khởi nghĩa giành chính quyền.

Về vấn đề dân tộc, Hội nghị đại biểu Trung ương Đảng và Ban chỉ huy ở ngoài, tháng 7-1936, cho rằng: những người cộng sản, những người cách mạng cần nắm bắt và phát huy tinh thần dân tộc đang phát triển trong nhiều tầng lớp cư dân vì thắng lợi của sự nghiệp đấu tranh chống ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc: "... ở các nước thuộc địa như ở Đông Dương, tinh thần dân tộc được củng cố không chỉ ở sự giác ngộ của các tầng lớp tư sản và tiểu tư sản, mà tinh thần dân tộc đó còn có ảnh hưởng to lớn đến các tầng lớp khác nhau của quần chúng lao khổ. Hiểu được tinh thần dân tộc, những người cách mạng và những người cộng sản phải biết sử dụng họ trong cuộc đấu tranh chống những kẻ đi áp bức dân tộc - tức là chống chủ nghĩa đế quốc Pháp"¹⁷. Đến năm 1939, một chủ trương lớn được xác định, đó là công nông phải giương cao ngọn cờ dân tộc mới có thể đoàn kết được các lực lượng yêu nước trên trận tuyến GPDT. Vào lúc này, quan điểm của Đảng về vấn đề dân tộc được trình bày trên các phương diện:

Một là, toàn xứ Đông Dương đều bị đế quốc Pháp thống trị, do vậy các dân tộc ở Đông Dương phải liên hiệp với nhau để chống đế quốc Pháp.

Hai là, phải tôn trọng quyền tự quyết dân tộc, sự liên hiệp không có nghĩa bắt buộc các dân tộc Đông Dương phải thành lập một quốc gia duy nhất "... vì các dân tộc như Việt Nam, Miên, Lào xưa nay vẫn có sự độc lập"¹⁸. Mỗi dân tộc đều có quyền quyết định vận mệnh của mình, nhưng không phải là tách biệt nhau.

Ba là, vấn đề dân tộc vốn là vấn đề hệ trọng của cách mạng GPDT, khi chiến tranh đế quốc bùng nổ, khủng hoảng kinh tế, xã hội càng nặng nề, ách thống trị của chủ nghĩa phát xít thiết lập tại thuộc địa càng "... đưa vấn đề dân tộc thành một vấn đề khẩn cấp rất quan trọng"¹⁹. Nội

thống khổ của toàn dân tộc trong chiến tranh bị dồn nén đến cực điểm, đòi hỏi phải mở ra lối thoát cho dân tộc bằng cuộc cách mạng giải phóng.

Quan điểm Nguyễn Ái Quốc về sức mạnh to lớn của chủ nghĩa dân tộc chân chính, được ĐCS Việt Nam từng bước kế thừa và phát huy. Đến tháng 11-1939, Trung ương Đảng cho rằng: thống nhất lực lượng dân tộc là điều kiện cốt yếu để đánh đổ đế quốc Pháp. Sức mạnh đó bao hàm lòng ái quốc chân chính, những truyền thống tốt đẹp của dân tộc, ý thức về sự mất còn của dân tộc, mối quan hệ chặt chẽ giữa những lợi ích thiết thực của các tầng lớp nhân dân với vận mệnh và quyền lợi dân tộc; đặt quyền lợi dân tộc trên các quyền lợi khác, đoàn kết hết thảy các giai cấp và tầng lớp xã hội có tinh thần yêu nước, các giới đồng bào vì thắng lợi của sự nghiệp cứu nước. Tất cả đã hợp thành một tổng thể khá toàn diện tư tưởng của Đảng về vấn đề dân tộc vào lúc mở đầu giai đoạn trực tiếp đấu tranh đoạt chính quyền về tay nhân dân, chi phối chủ trương, biện pháp xây dựng MTDTTN.

Hội nghị thành lập ĐCS Việt Nam đã xác định chủ trương thành lập mặt trận phản đế, thu nạp các đảng phái, tổ chức và cá nhân yêu nước, cách mạng. Tiếp đó, tháng 11-1930, Thường vụ Trung ương Đảng phân tích, đánh giá sâu sắc tinh thần yêu nước, ý chí đấu tranh của các tầng lớp xã hội vì độc lập, tự do dân tộc, phê phán những quan điểm hẹp hòi "tả" khuynh, hạn chế việc xây dựng và mở rộng MTDTTN; nêu cao trách nhiệm của Đảng trong việc tổ chức toàn dân thành lập lực lượng thật đông, thật kín, lấy công nông làm nền tảng. Tuy vậy, công tác xây dựng MTDTTN không thể diễn ra trong trạng thái biệt lập mà gắn kết khăng khít với sự chuyển biến sáng tạo về lý luận cách mạng GPDT và vấn đề dân tộc.

Năm 1939, trong lúc chiến tranh thế giới đang cận kề ngày bùng nổ, cục diện chính trị thế giới sẽ có nhiều thay đổi, thúc đẩy phong trào giải phóng thuộc địa phát triển mạnh mẽ, cũng là lúc nhiệm vụ xây dựng MTDTTN chống đế quốc được đặt ra rất khẩn trương. Trung ương Đảng nhận được chỉ thị của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc về phương pháp lãnh đạo của Đảng đối với Mặt trận: "Đảng không thể đòi hỏi Mặt trận thừa nhận quyền lãnh đạo của mình, mà phải tỏ ra là một bộ phận trung thành nhất, hoạt động nhất và chân

thực nhất. Chỉ trong đấu tranh và công tác hằng ngày, khi quần chúng rộng rãi thừa nhận chính sách đúng đắn và năng lực lãnh đạo của Đảng, thì Đảng mới giành được địa vị lãnh đạo"²⁰. Tư tưởng đó chỉ đạo công tác xây dựng Mặt trận thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương và Mặt trận Việt Minh.

Mở đầu tiến trình thay đổi chiến lược cách mạng, nhằm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ GPDT, tháng 11-1939, Trung ương Đảng chủ trương phải thành lập Mặt trận thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương "... để tranh đấu chống đế quốc chiến tranh, đánh đổ đế quốc Pháp và bọn phong kiến thối nát, giải phóng các dân tộc Đông Dương làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập"²¹. Mặt trận ấy là tổ chức liên hợp các dân tộc, các giai cấp, đảng phái và các phần tử chống đế quốc, phong kiến phản động, tay sai của đế quốc, tranh đấu cho hoà bình, cơm áo và thực hiện độc lập dân tộc hoàn toàn. Song phạm vi MTDTTN toàn Đông Dương là quá rộng, vượt quá đặc điểm của từng quốc gia dân tộc Việt, Miên, Lào, nên rất khó trở thành hiện thực.

Mặt trận Việt Minh do lãnh tụ Hồ Chí Minh đề xướng và Trung ương Đảng nhất trí tán thành được thành lập. Tên gọi Việt Minh và những chính sách của nó đáp ứng yêu cầu của Đảng là hiệu triệu thống thiết, đánh thức tinh thần dân tộc vốn chất chứa lâu đời trong lòng nhân dân, giải quyết hài hoà lợi ích tối cao của dân tộc và quyền lợi thiết thực của các tầng lớp xã hội. Cũng với tinh thần đó, Đảng ta và Mặt trận Việt Minh sẽ giúp đỡ các dân tộc Miên, Lào thành lập mặt trận riêng, sau đó sẽ lập Mặt trận Đông Dương độc lập đồng minh. Từ đây bắt đầu xuất hiện chủ trương thành lập hai tầng mặt trận của nhân dân ba nước Việt, Miên, Lào trên cùng trận tuyến chống kẻ thù chung.

Chương trình Việt Minh bao hàm chủ trương đại đoàn kết dân tộc, giành độc lập dân tộc và giúp đỡ Miên, Lào giành độc lập; những nhiệm vụ cụ thể mà chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hoà sẽ thực hiện. Đó là các quyền dân chủ, tự do về chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, ngoại giao nhằm xây dựng một chế độ thực sự tự do, dân chủ, phát triển toàn diện, làm cho đồng bào được sống tự do, hạnh phúc.

(Xem tiếp trang 21)

tộc trong việc bảo vệ Tổ quốc, gìn giữ chế độ XHCN, đưa đất nước hội nhập vào dòng chảy của thế giới. Trong hai cuộc kháng chiến cứu nước, ngoại giao là một mặt trận quan trọng phối hợp cùng mặt trận chính trị và quân sự đem lại chiến thắng vinh quang. Trong tiến trình xây dựng đất nước, ngoại giao vẫn chiếm giữ một vị trí hết sức trọng yếu, phối hợp cùng các hoạt động chính trị, an ninh, quốc phòng và đặc biệt là mặt trận kinh tế để bảo vệ độc lập và chủ quyền, để phát triển theo chiều hướng chung của xu hướng toàn cầu hoá.

Những thành tựu đã giành được và những kết quả gặt hái trong 60 năm qua đều dựa trên một nguyên tắc bất di bất dịch. Đó là sự kết hợp giữa sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại nhằm bảo vệ chủ quyền quốc gia và thúc đẩy hội nhập quốc tế. Năm 2005 có thể coi như một dấu mốc sau 20 năm thực hiện đường lối đổi mới.

Bước đường đi tới đã rộng mở nhưng còn nhiều chông gai. Từ một sân chơi nhỏ bước vào một sân chơi lớn có tính toàn cầu là một thách thức hết sức cam go. Trên tiến trình đó, hoạt động đối ngoại giữ trọng trách là một trong những mặt trận chính góp phần vào việc thúc đẩy sự hội nhập quốc tế trên cơ sở bảo vệ chủ quyền quốc gia, giữ vững đường lối độc lập tự chủ nhằm đạt mục tiêu sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển, tạo những tiền đề vững chắc để đến năm 2020, về cơ bản Việt Nam trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

THẮNG LỢI CỦA CÁCH MẠNG THÁNG TÁM...

(Tiếp theo trang 13)

Quan điểm dân tộc chân chính và chủ trương đại đoàn kết dân tộc còn chi phối sự thiết lập chính thể dân chủ cộng hoà; thay chính quyền công nông binh bằng chính quyền của toàn thể dân tộc, không phải là chính quyền của một giai cấp nào, chỉ trừ những phần tử phản quốc.

Càng tiến gần tới Tổng khởi nghĩa, MTDTTN càng mở rộng, thu nạp thêm nhiều tổ chức yêu nước, đoàn thể cứu quốc, thu hẹp lực lượng chống đối và lưng chừng, tạo nên một lực lượng chính trị hùng mạnh. Tại một số địa phương, do điều kiện đặc thù, cấp bộ Đảng đã xây dựng nhiều tổ chức quần chúng, gia nhập Mặt trận Việt Minh và là những đạo quân quan trọng áp đảo kẻ thù, giành chính quyền. Đồng thời, nhiều đơn vị vũ trang cũng được Đảng xây dựng, phát triển tại căn cứ địa Việt Bắc và nhiều chiến khu, đóng vai trò nòng cốt, phối hợp, hỗ trợ các lực lượng chính trị trong tiến trình khởi nghĩa từng phần và Tổng khởi nghĩa.

Những sáng tạo lý luận chính trị được kết hợp chặt chẽ với xây dựng lực lượng cách mạng và phong trào đấu tranh của quần chúng do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh và Đảng ta tiến hành thể hiện rõ năng lực lãnh đạo của Đảng đã đạt tới độ trưởng thành, ngang tầm nhiệm vụ chính trị và sứ mệnh của Đảng ở thời điểm quyết định thay đổi vận mệnh dân tộc từ nô lệ tiến tới độc lập, tự do. Hệ quả lãnh đạo lớn nhất của Đảng là sức mạnh các giai cấp và toàn dân tộc được nhân lên cấp độ cao nhất, mang đậm tinh thần chủ động, tự cường, sẵn sàng "đem sức ta mà tự giải phóng cho ta", làm nên thắng lợi của Cách mạng tháng Tám 1945, thành lập nước Việt Nam dân chủ cộng hoà, kỷ tích đầu tiên của dân tộc Việt Nam trong thế kỷ XX.

1, 2. Viện quan hệ quốc tế: *Chủ tịch Hồ Chí Minh và công tác ngoại giao*, ST, H, 1990, tr. 57, 57

3, 4. *Văn kiện Đảng Toàn tập*, CTQG, H, 2000, T.8, tr. 46, 44

5. *Hồ Chí Minh Toàn tập*, CTQG, H, 1995, T.4, tr.246

6, 7. *Sổ*, T. 7, tr.321, 319

8. *Hồ Chí Minh Biên niên tiểu sử*, CTQG, H, 1996, T.8, tr. 490

9. Gabriell Còcò: *Giải phẫu một cuộc chiến tranh*, QĐND, H, 1991, tr.143

10. *Văn kiện Đảng Toàn tập*, CTQG, H, 2000, T. 33, tr.144

11. Nguyễn Thị Bình: *Mặt trận dân tộc giải phóng, Chính phủ cách mạng lâm thời tại Hội nghị Paris về Việt Nam*, CTQG, H, 2001, tr.136.

1, 2, 3, 4, 7, 8, 9. Đảng cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, CTQG, H, 1998, T. 2, tr. 2, 2, 4, 94, 94, 95, 110-111

5, 6. *Hồ Chí Minh Toàn tập*, CTQG, H, 1995, T. 1, tr. 464, 464

10, 11, 12, 13, 14, 17, 18, 19, 20, 21. Đảng cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, CTQG, H, 2000, T. 6, tr. 143, 74, 152, 539, 552, 75, 542, 538, 508, 537

15, 16. *Sổ*, T. 7, tr. 112, 118.